VỚI CUỘC SỐNG

Bài 37 em êm im um

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *em, êm, im, um*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *em, êm, im, um*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *em, êm, im, um*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *em, êm, im, um*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *em, êm, im, um* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Cuộc sống* được gợi ý trong tranh *Giúp bạn*.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết nhân vật bạn Hà qua trang phục, đầu tóc) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: *Chị em Hà chơi trốn tìm; Chim sẻ, chim sơn ca, chim ri; Giúp bạn.*

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm, cấu tạo và cách viết các vần *em, êm, im, um*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài và cách giải thích những từ ngữ như: *tủm tỉm* (cười không mở miệng, chỉ thấy cử động của đôi môi một cách kín đáo), *thềm nhà* (phần nền trước cửa nhà, có mái che).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*om, ôm, ơm*) đồng thời tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh*? Một số (2 – 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Chị em Hà/ chơi trốn tìm./ Hà/ tủm tỉm/ đếm:/ một,/ hai,/ ba,...*
- GV giới thiệu vần mới *em, êm, im, um*. Viết tên bài mới lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
  + GV giới thiệu vần *em, êm, im, um*.
  + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *êm, im, um* với *em* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  + GV đánh vần mẫu các vần *em, êm, im, um*.
  + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.
  + Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.
  + Lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành *em*.
  + HS tháo chữ *e*, ghép *ê* vào để tạo thành *êm*.
  + HS tháo chữ *ê*, ghép *i* vào để tạo thành *im*.
  + HS tháo chữ *i*, ghép *u* vào để tạo thành *um*.
- Lớp đọc đồng thanh *em, êm, im, um* một số lần.

b. Đọc tiếng

– Đọc tiếng mẫu

+ GV giới thiệu mô hình tiếng *đếm*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *đếm*.

+ Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *đếm* (*đờ – êm – đêm – sắc – đếm*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *đếm*.

+ Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *đếm*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *đếm*.

– Đọc tiếng trong SHS

+ Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.

+ Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.

+ Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.

– Ghép chữ cái tạo tiếng

+ HS tự tạo các tiếng có chứa vần *em, êm, im, um*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.

+ Lớp đọc đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

– GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *tem thư, thềm nhà, tủm tỉm*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *tem thư*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *tem thư* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *em* trong *tem thư*, phân tích và đánh vần tiếng *tem*, đọc trơn từ ngữ *tem thư*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *thềm nhà, tủm tỉm*.

– HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

– GV đưa mẫu chữ viết các vần *em, êm, im, um, thềm, tủm, tỉm*.

– GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *em, êm, im um*.

– HS viết vào bảng con: *em, êm, im, um* và *thềm, tủm, tỉm*.

– HS nhận xét bài của bạn.

– GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết của HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

– HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *em, êm, im, um*; các từ ngữ *thềm nhà, tủm tỉm*.

– GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

– GV đọc mẫu cả đoạn.
– HS đọc thầm và tìm tiếng có các vần *em, êm, im, um.*
– Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *em, êm, im, um* trong đoạn văn một số lần.
– GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
– Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
– HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc: *Chim ri tìm gì về làm tổ?* (tìm cỏ khô) *Chim sẻ và sơn ca mang cái gì đến cho chim ri?* (mang theo túm rơm). *Chim ri làm gì để thể hiện tình cảm với hai bạn?* (nói lời cảm ơn).
– GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

– HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:
  + Tranh 1: *Em nhìn thấy những gì trong tranh? Hai bạn giúp nhau việc gì? Bạn được đeo bờm có nơ sẽ nói gì với bạn của mình? Em đã bao giờ giúp bạn việc gì chưa?*
  + Tranh 2: *Em nhìn thấy những gì trong tranh? Em đoán thử xem, bạn nhỏ sẽ nói gì khi được bạn cho đi chung ô?*
– Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên.

8. Củng cố

– HS tìm một số từ ngữ chứa vần *em, êm, im, um* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
– GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
– GV lưu ý HS ôn lại các vần *em, êm, im, um* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.